

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đ.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Trần Nho T, sinh năm 1979.
Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Đỗ Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên là Đỗ Thị Khánh H, sinh ngày 19/7/2009 và Đỗ Thị Khánh H, sinh ngày 21/01/2012 cho anh Đỗ Văn P có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Nguyễn Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nợ chung: Anh Đỗ Văn P nhận trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Trần Nho T, bà Trịnh Thị S số tiền gốc là 52.834.000đ và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2018 đến ngày 20/8/2020 là 20 tháng với mức lãi suất là 1,5%/tháng tương ứng với số tiền là 15.850.000đ. Cộng chung cả tiền gốc và tiền lãi là 68.684.000đ (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm tám mươi tư ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy L tự nguyện nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thùy L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007578 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thùy L số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí còn dư.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Nho T, bà Trịnh Thị S số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007667 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Anh Đỗ Văn P tự nguyện nhận chịu 1.717.000đ (*Một triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

